

Bản án số: 103/2024/DS-ST

Ngày: 20 - 9 - 2024

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Nghĩa.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Bình.

2. Ông Lê Hoàng Phúc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Văn Liên là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Lĩnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 và 20 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý: 184/2024/TLST-DS, ngày 08 tháng 5 năm 2024, về tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 282/2024/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N2.

Địa chỉ: Số B, đường L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V; Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu P; chức vụ: Giám đốc Chi nhánh huyện Đ.

Người được ủy quyền lại: Bà Cao Thị Hồng H; Chức vụ: Giám đốc Phòng G (Văn bản ủy quyền ngày 15/7/2024).

Nơi làm việc: Số G, đường L, khu phố G, thị trấn V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh năm 1988.

Nơi cư trú: Số A, đường N, khu phố A, thị trấn V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông **Phạm Văn H1**, sinh năm 1959 và bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1961.
Nơi cư trú: **Số A, đường N, khu phố A, thị trấn V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.**

+ Cháu **Phạm Khánh N**, sinh năm 2018 và cháu **Phạm Khôi N1**, sinh năm 2015.
Người đại diện theo pháp luật: Bà **Nguyễn Thị Quỳnh A**, sinh năm 1988.

Cùng nơi cư trú: **Số A, đường N, khu phố A, thị trấn V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.**

+ **Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H.**

Địa chỉ: **Số B, đường N, phường B, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh.**

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Phạm Quốc T1**; Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Lê Thanh L**; Chức vụ: Giám đốc **phòng G1.**

Người được ủy quyền lại: Ông **Nguyễn Tấn Đ**; Chức vụ: Chuyên viên quan hệ khách hàng cá nhân (Văn bản ủy quyền ngày 23/4/2024).

Nơi làm việc: **Số A, ĐT. 766, thôn D, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.**

Tại phiên tòa, có mặt bà **H** và ông **Đ**, vắng mặt bà **A**, ông **H1** và bà **T** đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, người được ủy quyền lại của nguyên đơn **ngân hàng N2** là bà **Cao Thị Hồng H** trình bày: Vào ngày 23/6/2022, **ngân hàng N2 - Chi nhánh huyện Đ- Phòng G** có ký hợp đồng tín dụng số 4813-LAV-202205638 với người vay là ông **Phạm Anh T2** và bà **Nguyễn Thị Quỳnh A** với số tiền vay là 380.000.000 đồng, giải ngân ngày 23/6/2022. Thời hạn vay là 60 tháng, trả lãi và gốc hàng tháng, lãi suất cho vay là 10%/năm, lãi suất vay điều chỉnh tối thiểu 3 tháng/lần, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay, lãi suất chậm trả lãi 10%/năm. Ông **Phạm Anh T2** chết ngày 31/7/2023. Từ khi vay đến nay, khách hàng chỉ mới trả cho ngân hàng tiền nợ vay 89.600.000 đồng và tiền lãi phát sinh đến ngày 30/8/2023. Hiện còn nợ lại tiền nợ vay 290.400.000 đồng và tiền lãi từ ngày 01/9/2023 đến ngày 17/9/2024 là 34.757.458 đồng.

Nay khoản vay đã chuyển quá hạn, bên ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc bà **Nguyễn Thị Quỳnh A** và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông **Phạm Anh T2** gồm ông **Phạm Văn H1**, bà **Nguyễn Thị T**, bà **Nguyễn Thị Quỳnh A**, cháu **Phạm Khánh N**, cháu **Phạm Khôi N1** phải trả cho **ngân hàng N2** tiền nợ vay và nợ lãi như trên.

Kể từ ngày 18/9/2024 cho đến khi thi hành án xong, bà **Nguyễn Thị Quỳnh A** và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông **Phạm Anh T2** gồm ông **Phạm Văn H1**, bà **Nguyễn Thị T**, bà **Nguyễn Thị Quỳnh A**, cháu **Phạm Khánh N**, cháu **Phạm Khôi N1** còn phải tiếp tục chịu lãi theo mức lãi suất được quy định trong hợp đồng tín dụng số 4813-LAV-202205638 ngày 23/6/2022.

* Quá trình tố tụng, bị đơn bà **Nguyễn Thị Quỳnh A**, cũng là người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu **Phạm Khánh N** và cháu

Phạm Khôi N1 trình bày: Chồng bà ông **Phạm Anh T2** đã chết ngày 31/7/2023, không để lại di chúc. Hàng thừa kế thứ nhất tại thời điểm mở thừa kế của ông **T2** gồm có bà là vợ, 02 con là **Phạm Khánh N** và cháu **Phạm Khôi N1**, cha mẹ là ông **Phạm Văn H1** và bà **Nguyễn Thị T**. Không còn ai thuộc hàng thừa kế thứ nhất nữa.

Di sản của ông **T2** để lại là diện tích 2.040m² thuộc thửa số 248, tờ bản đồ số 06 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 232674 do **UBND huyện Đ** cấp ngày 20/5/2005 đứng tên chủ sử dụng là hộ ông **Phạm Xuân H2** (Cập nhật phân chia quyền sử dụng đất cho ông **Phạm Anh T2** ngày 21/5/2018) và diện tích 2.070m² thuộc thửa số 249, tờ bản đồ số 06 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 232675 do **UBND huyện Đ** cấp ngày 20/5/2005 đứng tên chủ sử dụng là hộ ông **Phạm Xuân H2** (Cập nhật phân chia quyền sử dụng đất cho ông **Phạm Anh T2** ngày 21/5/2018). Ngoài ra, ông **T2** không còn bất cứ tài sản nào khác. Tài sản của ông **T2** để lại chưa được phân chia thừa kế.

* Quá trình tố tụng và tại phiên toà, người được uỷ quyền lại của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan **ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H** trình bày: Vào ngày 06/7/2022, **Ngân hàng thương mại cổ phần Phát triển Thành phố H- Chi nhánh B – Phòng G1** có ký kết với ông **Phạm Anh T2** và bà **Nguyễn Thị Quỳnh A** hợp đồng tín dụng số 19862/22MB/HĐTD để cho vay số tiền là 250.000.000 đồng (Sau đó, được điều chỉnh nâng lên thành 500.000.000 đồng theo phụ lục hợp đồng số 19862/22MB/HĐTD/PL01 ngày 19/01/2023), giải ngân ngày 04/7/2023, thời hạn vay 12 tháng, từ ngày 05/7/2023 đến ngày 04/7/2024, lãi suất tại thời điểm cho vay là 11,5%/năm, cố định 3 tháng và sau đó điều chỉnh 3 tháng/lần, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay, lãi chậm trả lãi là 10%/năm. Hiện nay, khoản vay đã quá hạn nên ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà **Nguyễn Thị Quỳnh A** và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông **Phạm Anh T2** gồm ông **Phạm Văn H1**, bà **Nguyễn Thị T**, bà **Nguyễn Thị Quỳnh A**, cháu **Phạm Khánh N**, cháu **Phạm Khôi N1** phải trả cho ngân hàng số tiền 570.054.021 đồng (Trong đó, tiền nợ vay 499.999.320 đồng, tiền lãi trong hạn 48.039.053 đồng, tiền lãi quá hạn 20.404.901 đồng và tiền lãi chậm trả 1.610.648 đồng).

Để đảm bảo trả nợ cho khoản vay trên, ngân hàng và ông **Phạm Anh T2** đã ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số 12297/20MB/HĐBĐ ngày 04/8/2020 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 12297/20MB/HĐBĐ/PL01 ngày 19/01/2023 để thế chấp quyền sử dụng đất của các diện tích đất sau:

- Diện tích 2.040m² thuộc thửa số 248, tờ bản đồ số 06 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 232674 do **UBND huyện Đ** cấp ngày 20/5/2005 đứng tên chủ sử dụng là hộ ông **Phạm Xuân H2** (Cập nhật phân chia quyền sử dụng đất cho ông **Phạm Anh T2** ngày 21/5/2018);

- Diện tích 2.070m² thuộc thửa số 249, tờ bản đồ số 06 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 232675 do UBND huyện Đ cấp ngày 20/5/2005 đứng tên chủ sử dụng là hộ ông Phạm Xuân H2 (Cập nhật phân chia quyền sử dụng đất cho ông Phạm Anh T2 ngày 21/5/2018).

Việc thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đã được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 05/8/2020 tại chi nhánh văn phòng Đ1.

Ông yêu cầu bà Nguyễn Thị Quỳnh A và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Phạm Anh T2 gồm ông Phạm Văn H1, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Quỳnh A, cháu Phạm Khánh N, cháu Phạm Khôi N1 phải trả cho ngân hàng số tiền nợ vay và nợ lãi như trên.

Kể từ ngày 18/9/2024, cho đến khi thi hành án xong, bà Nguyễn Thị Quỳnh A và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Phạm Anh T2 còn phải tiếp tục chịu lãi theo mức lãi suất được quy định trong hợp đồng tín dụng số 19862/22MB/HĐTD ngày 06/7/2022 và phụ lục hợp đồng số 19862/22MB/HĐTD/PL01 ngày 19/01/2023.

Trường hợp bà Nguyễn Thị Quỳnh A và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Phạm Anh T2 không tự nguyện trả hết nợ thì ngân hàng đề nghị được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản đang thế chấp để thu hồi nợ.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ngân hàng đã chi 1.200.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ nên đề nghị bà Nguyễn Thị Quỳnh A và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Phạm Anh T2 phải trả lại cho ngân hàng số tiền trên.

* Tại biên bản xác minh ngày 16/7/2024, bà Nguyễn Thị Ngọc L1 là công chức tư pháp tại UBND thị trấn V đã trình bày:

- Những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Phạm Anh T2 tại thời điểm mở thừa kế gồm có cha mẹ là ông Phạm Văn H1, bà Nguyễn Thị T, vợ là bà Nguyễn Thị Quỳnh A và 02 con là cháu Phạm Khánh N, cháu Phạm Khôi N1.

- Đối với di sản do ông Phạm Anh T2 để lại thì đề nghị Tòa án liên hệ với chi nhánh văn phòng Đ1 để được cung cấp thông tin.

* Tại Công văn số 492/CNVPĐKĐĐDL ngày 14/6/2024 của chi nhánh văn phòng Đ1 thì ông Phạm Anh T2 có 02 tài sản là diện tích 2.040m² thuộc thửa số 248, tờ bản đồ số 06 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 232674 và diện tích 2.070m² thuộc thửa số 249, tờ bản đồ số 06 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 232675.

* Tòa án đã tiến hành hòa giải để các đương sự tự thỏa thuận với nhau về các vấn đề có tranh chấp trong vụ án nhưng các đương sự không tham gia đầy đủ nên hòa giải được.

* Ý kiến của kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật và phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan **ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H** đã chấp hành đúng pháp luật. Các đương sự còn lại không chấp hành đúng pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **ngân hàng N2** và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan **ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H**.

Buộc bà **Nguyễn Thị Quỳnh A** và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông **Phạm Anh T2** phải trả cho **ngân hàng N2** và **ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H** tiền nợ vay và nợ lãi như trên.

Kể từ ngày 18/9/2024, cho đến khi thi hành án xong, bà **Nguyễn Thị Quỳnh A** và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông **Phạm Anh T2** còn phải tiếp tục chịu lãi theo mức lãi suất được quy định trong hợp đồng tín dụng.

Trường hợp bà **Nguyễn Thị Quỳnh A** và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông **Phạm Anh T2** không tự nguyện trả hết nợ thì **ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H** được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản đang thế chấp để thu hồi nợ.

Buộc bà **Nguyễn Thị Quỳnh A** và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông **Phạm Anh T2** phải trả lại cho **ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H** 1.200.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, quá trình giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại quy định tại khoản 3, 14 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 463 và 615 Bộ luật Dân sự.

Về thẩm quyền: Căn cứ khoản 3, 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh.

Về sự có mặt của các đương sự: Tại phiên tòa, có mặt nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan **ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H**. Các đương sự còn lại vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với các đương sự vắng mặt.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ do phía nguyên đơn **ngân hàng N2**, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan **ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H** cung cấp; phía bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác cũng không có văn bản thể hiện ý kiến phản đối đối với yêu cầu của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, đủ cơ sở để kết luận:

- Vào ngày 23/6/2022, **ngân hàng N2** - **Chi nhánh huyện Đ**- **Phòng G** đã ký hợp đồng tín dụng số 4813-LAV-202205638 với người vay là ông **Phạm Anh T2** và bà **Nguyễn Thị Quỳnh A** với số tiền vay là 380.000.000 đồng, giải ngân ngày 23/6/2022. Thời hạn vay là 60 tháng, trả lãi và gốc hàng tháng, lãi suất cho vay là 10%/năm, lãi suất vay điều chỉnh tối thiểu 3 tháng/lần, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay, lãi suất chậm trả lãi 10%/năm. Từ ngày vay đến nay, ông **T2** và bà **A** chỉ mới trả cho ngân hàng tiền nợ vay 89.600.000 đồng và tiền lãi phát sinh đến ngày 30/8/2023. Hiện còn nợ lại tiền nợ vay 290.400.000 đồng và tiền lãi từ ngày 01/9/2023 đến ngày 17/9/2024 là 34.757.458 đồng.

- Vào ngày 06/7/2022, **Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H**- **Chi nhánh B** - **Phòng G1** đã ký với ông **Phạm Anh T2** và bà **Nguyễn Thị Quỳnh A** hợp đồng tín dụng số 19862/22MB/HĐTD để cho vay số tiền là 250.000.000 đồng (Sau đó, được điều chỉnh nâng lên thành 500.000.000 đồng theo phụ lục hợp đồng số 19862/22MB/HĐTD/PL01 ngày 19/01/2023), giải ngân ngày 04/7/2023, thời hạn vay 12 tháng, từ ngày 05/7/2023 đến ngày 04/7/2024, lãi suất tại thời điểm cho vay là 11,5%/năm, cố định 3 tháng và sau đó điều chỉnh 3 tháng/lần, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay, lãi chậm trả lãi là 10%/năm. Hiện còn nợ lại số tiền vay 499.999.320 đồng, tiền lãi trong hạn 48.039.053 đồng, tiền lãi quá hạn 20.404.901 đồng và tiền lãi chậm trả 1.610.648 đồng.

Để đảm bảo trả nợ cho khoản vay trên, **ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H** và ông **Phạm Anh T2** đã ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số 12297/20MB/HĐBĐ ngày 04/8/2020 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 12297/20MB/HĐBĐ/PL01 ngày 19/01/2023 để thế chấp quyền sử dụng đất của các diện tích đất sau:

+ Diện tích 2.040m² thuộc thửa số 248, tờ bản đồ số 06 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 232674 do **UBND huyện Đ** cấp ngày 20/5/2005;

+ Diện tích 2.070m² thuộc thửa số 249, tờ bản đồ số 06 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 232675 do **UBND huyện Đ** cấp ngày 20/5/2005.

Việc thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đã được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 05/8/2020 tại chi nhánh **văn phòng Đ1**.

[2.2] Về nghĩa vụ trả nợ của bên vay:

Đây là hợp đồng vay tài sản do các bên tự nguyện ký kết, khi ký kết các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Căn cứ vào Điều 466 Bộ luật Dân sự thì bên vay phải trả cho bên cho vay tiền nợ vay và tiền lãi phát sinh.

Khoản 1, 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng, quy định:

“1. Tổ chức tín dụng được quyền ấn định và phải niêm yết công khai mức lãi suất huy động vốn, mức phí cung ứng dịch vụ trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng.

2. Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.”

Lãi suất nguyên đơn **ngân hàng N2**, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan **ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H** yêu cầu phù hợp với lãi suất do các bên thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng nên được chấp nhận.

Vì vậy, yêu cầu của nguyên đơn **ngân hàng N2**, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan **ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H** về việc buộc bà **Nguyễn Thị Quỳnh A** và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông **Phạm Anh T2** phải trả số tiền nợ vay và nợ lãi như trên là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Bà **Nguyễn Thị Quỳnh A** và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông **Phạm Anh T2** còn phải tiếp tục chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại các hợp đồng tín dụng từ ngày 18/9/2024 cho đến khi trả xong tiền nợ vay.

[2.3] Về biện pháp bảo đảm: Việc thế chấp quyền sử dụng đất giữa **ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H** và ông **Phạm Anh T2** đã được công chứng, chứng thực tại văn phòng công chứng và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên phát sinh hiệu lực.

Trường hợp, bà **Nguyễn Thị Quỳnh A** và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông **Phạm Anh T2** không tự nguyện trả hết nợ cho **ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H** thì **ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H** được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý các tài sản đang thế chấp là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền trên đất của diện tích 2.040m² thuộc thửa số 248, tờ bản đồ số 06 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 232674 do **UBND huyện Đ** cấp ngày 20/5/2005 và diện tích 2.070m² thuộc thửa số 249, tờ bản đồ số 06 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 232675 do **UBND huyện Đ** cấp ngày 20/5/2005 để thu hồi nợ.

[3] Ông **Phạm Anh T2** chết ngày 31/7/2023. Hàng thừa kế thứ nhất của ông **T2** tại thời điểm mở thừa kế gồm có vợ là bà **Nguyễn Thị Quỳnh A**, 02 con là cháu **Phạm Khánh N** và cháu **Phạm Khôi N1**, cha mẹ là ông **Phạm Văn H1** và bà **Nguyễn Thị T**. Qua xác minh thấy rằng, di sản do ông **T2** để lại gồm có:

+ Diện tích 2.040m² thuộc thửa số 248, tờ bản đồ số 06 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 232674 do **UBND huyện Đ** cấp ngày 20/5/2005;

+ Diện tích 2.070m² thuộc thửa số 249, tờ bản đồ số 06 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 232675 do UBND huyện Đ cấp ngày 20/5/2005.

Hiện nay các tài sản trên chưa được phân chia thừa kế và đang thế chấp để đảm bảo khoản vay tại ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H. Do ông Phạm Anh T2 đã chết nên phần nghĩa vụ chung của vợ chồng ông T2 phải được chia phần như sau:

- Bà Nguyễn Thị Quỳnh A phải trả cho ngân hàng N2, ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H ½ số tiền nợ vay và nợ lãi.

- Những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Phạm Anh T2 gồm ông Phạm Văn H1, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Quỳnh A, cháu Phạm Khánh N và cháu Phạm Khôi N1 phải trả cho ngân hàng N2, ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H ½ số tiền nợ vay và nợ lãi.

[4] Về chi phí tố tụng: Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H đã nộp 1.200.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Do yêu cầu độc lập của ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H được Tòa án chấp nhận nên cần buộc bà Nguyễn Thị Quỳnh A phải trả lại cho ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H ½ số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, buộc những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Phạm Anh T2 phải trả lại cho ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H ½ số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, yêu cầu của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H được Tòa án chấp nhận nên bị đơn, những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Phạm Anh T2 phải chịu toàn bộ án phí DSST.

[6] Những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Phạm Anh T2 có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do ông Phạm Anh T2 để lại.

[7] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án và phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nội dung vụ án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3, 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, 157, 158, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 235,

266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, 463, 468, 611, 613, 614, 615 và 651 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 1, 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc bà Nguyễn Thị Quỳnh A và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Phạm Anh T2 gồm ông Phạm Văn H1, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Quỳnh A, cháu Phạm Khánh N và cháu Phạm Khôi N1 phải liên đới trả cho ngân hàng N2 số tiền 325.157.458 đồng (Trong đó, tiền nợ vay là 290.400.000 đồng và tiền lãi là 34.757.458 đồng). Chia phần: Bà Nguyễn Thị Quỳnh A phải trả $\frac{1}{2}$ số tiền nợ vay và nợ lãi; Những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Phạm Anh T2 phải trả $\frac{1}{2}$ số tiền nợ vay và nợ lãi.

Kể từ ngày 18/9/2024 cho đến khi thi hành án xong, bà Nguyễn Thị Quỳnh A và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Phạm Anh T2 còn phải tiếp tục chịu lãi theo mức lãi suất được quy định trong hợp đồng tín dụng số 4813-LAV-202205638 ngày 23/6/2022.

2/ Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H:

2.1/ Buộc bà Nguyễn Thị Quỳnh A và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Phạm Anh T2 gồm ông Phạm Văn H1, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Quỳnh A, cháu Phạm Khánh N và cháu Phạm Khôi N1 phải liên đới trả cho ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H số tiền 570.054.021 đồng (Trong đó, tiền nợ vay là 499.999.320 đồng, tiền lãi trong hạn là 48.039.053 đồng, tiền lãi quá hạn là 20.404.901 đồng và tiền lãi chậm trả là 1.610.648 đồng). Chia phần: Bà Nguyễn Thị Quỳnh A phải trả $\frac{1}{2}$ số tiền nợ vay và nợ lãi; Những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Phạm Anh T2 phải trả $\frac{1}{2}$ số tiền nợ vay và nợ lãi.

Kể từ ngày 18/9/2024 cho đến khi thi hành án xong, bà Nguyễn Thị Quỳnh A và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Phạm Anh T2 còn phải tiếp tục chịu lãi theo mức lãi suất được quy định trong hợp đồng tín dụng số 19862/22MB/HĐTD ngày 06/7/2022 và phụ lục hợp đồng số 19862/22MB/HĐTD/PL01 ngày 19/01/2023.

2.2/ Trường hợp bà Nguyễn Thị Quỳnh A và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Phạm Anh T2 không tự nguyện trả hết nợ thì ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản đang thế chấp là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền trên đất của diện tích 2.040m² thuộc thửa số

248, tờ bản đồ số 06 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 232674 do UBND huyện Đ cấp ngày 20/5/2005 đứng tên chủ sử dụng là hộ ông Phạm Xuân H2 (Cập nhật phân chia quyền sử dụng đất cho ông Phạm Anh T2 ngày 21/5/2018), và diện tích 2.070m² thuộc thửa số 249, tờ bản đồ số 06 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 232675 do UBND huyện Đ cấp ngày 20/5/2005 đứng tên chủ sử dụng là hộ ông Phạm Xuân H2 (Cập nhật phân chia quyền sử dụng đất cho ông Phạm Anh T2 ngày 21/5/2018) để thu hồi nợ.

3/ Về chi phí tố tụng:

Buộc bà Nguyễn Thị Quỳnh A phải hoàn trả cho ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng) tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Buộc những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Phạm Anh T2 gồm ông Phạm Văn H1, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Quỳnh A, cháu Phạm Khánh N và cháu Phạm Khôi N1 phải hoàn trả cho ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng) tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4/ Về án phí DSST:

Bà Nguyễn Thị Quỳnh A phải chịu 21.530.000 đồng án phí DSST (Trong đó, án phí do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận là 8.129.000 đồng và án phí do yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được chấp nhận là 13.401.000 đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

Những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Phạm Anh T2 gồm ông Phạm Văn H1, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Quỳnh A, cháu Phạm Khánh N và cháu Phạm Khôi N1 phải chịu 21.530.000 đồng án phí DSST (Trong đó, án phí do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận là 8.129.000 đồng và án phí do yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được chấp nhận là 13.401.000 đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

Ngân hàng N2 không phải chịu án phí DSST, được hoàn trả 7.787.000 đồng (Bảy triệu bảy trăm tám mươi bảy nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004464 ngày 08/5/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H không phải chịu án phí DSST, được hoàn trả 12.956.000 đồng (Mười hai triệu chín trăm năm mươi sáu nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004691 ngày 12/7/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

5/ Đối với tất cả các nghĩa vụ ở trên, những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông **Phạm Anh T2** chỉ có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do ông **Phạm Anh T2** để lại, gồm:

- Diện tích 2.040m² thuộc thửa số 248, tờ bản đồ số 06 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 232674 do **UBND huyện Đ** cấp ngày 20/5/2005 đứng tên chủ sử dụng là hộ ông **Phạm Xuân H2** (Cập nhật phân chia quyền sử dụng đất cho ông **Phạm Anh T2** ngày 21/5/2018);

- Diện tích 2.070m² thuộc thửa số 249, tờ bản đồ số 06 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 232675 do **UBND huyện Đ** cấp ngày 20/5/2005 đứng tên chủ sử dụng là hộ ông **Phạm Xuân H2** (Cập nhật phân chia quyền sử dụng đất cho ông **Phạm Anh T2** ngày 21/5/2018).

6/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7/ *Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đức Linh;
- CCTHADS huyện Đức Linh;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- Lưu HSVA, QĐ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Ngọc Nghĩa